

Số: 01/CBTN

Vv: Công bố thông tin năng lực hoạt động thí
nghiệm chuyên ngành xây dựng

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng thành phố Hà Nội

- Căn cứ Nghị định số Nghị định số 62/2016/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ công văn số 5794/SXD-GĐCL ngày 20/03/2026 của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội về việc triển khai thực hiện công bố thông tin và tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo quy định tại số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của chính phủ.

Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế Kiến trúc Việt Nam công bố công khai thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

- Tên tổ chức hoạt động chuyên ngành xây dựng: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VIỆT NAM
- Tên giao dịch quốc tế: VIET NAM ARCHITECTURAL DESIGN AND CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY(DAC)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100415537, đăng ký lần đầu ngày 26/02/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 24/05/2024 do phòng Đăng ký kinh doanh -Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.
- Địa chỉ trụ sở: Số 8 ngõ 82 phố Dịch Vọng Hậu, khu công nghệ thông tin tập trung Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Mã số thuế: 0100415537
- Điện thoại: 043.768.5599
- Email: CongtyDAC@gmail.com
- Website: dac.vn/
- Người đại diện pháp luật: TS.KTS Lê Huy Tuấn – Chức vụ: Tổng Giám đốc

2. Thông tin phòng thí nghiệm

- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm địa chất công trình LAS - XD 24.055

- Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 8 ngõ 82 phố Dịch Vọng Hậu, khu công nghệ thông tin tập trung Phường Cầu Giấy , Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Trưởng phòng thí nghiệm: ThS.KS Ngô Thị Thoan
3. **Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (chi tiết Thông tin tại Phụ lục 01 kèm bản công bố này)**

Công ty cổ phần tư vấn và thiết kế kiến trúc Việt Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của Thông tin tự công bố./.

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG



TỔNG GIÁM ĐỐC
TS.KTS. Lê Huy Tuấn

.....

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM; TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TƯƠNG ỨNG ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM; MÁY MÓC, THIẾT BỊ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM; THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM ĐÃ CÔNG BỐ

(Kèm Theo bản công bố số 01/CBPTN ngày 13/04/2026 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế Kiến trúc Việt Nam)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
I	CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG			
1	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012 ; ASTM D854 :2014 ; BS 1377 Part 2-1990; JIS A1202; TB 10102-2023; GB/T 50123-2019	Bình tỷ trọng, bếp cát, cân Ohaus, bình hút chân không, tủ sấy Memmerh.	Ngô Thị Thoan Đặng Thị Phương Hoa
2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216:2010; BS 1377 Part 2:1990; BS 512 ; JIS A1203 ; TB 10102-2023; GB/T 50123-2019.	Hộp nhôm, tủ sấy Memmerh, cân Ohaus.	Ngô Thị Thoan Đặng Thị Phương Hoa
3	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 ; AASHTO T89 :2013 ; AASHTO T90 :2008 ; ASTM D4318-17e1; BS 1377 Part 2:1990; ISO17892-part 12; JIS A1205; TB 10102-2023; GB/T 50123-2019.	Chày valixiep, Casagrande, kính nhám, cân OHAUS, tủ sấy Memmerh.	Lê Thị Thu Đặng Thị Phương Hoa

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014 ; AASHTO T88 :2013 ; ASTM C136:2014; BS 1377 Part 2:1990; ASTM D7928:2017; ASTM D6913/6913M :2017; JIS A 1204; TB 10102-2023; GB/T 50123-2019	Bộ sàng kỹ thuật, tỷ trọng kế A-B Anh, cân Ohaus, tủ sấy Memmerh, nước cất, bình dung tích 1000ml	Lê Thị Thu Đặng Thị Phương Hoa
5	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995; ASTM D3080:2011; BS 1377 Part 7:1990; ISO17892-part 10; TB 10102-2023; GB/T 50123-2019.	Máy cắt phẳng Trung Quốc, dao vòng.	Lê Thị Thu Đặng Thị Phương Hoa
6	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; ASTM D2435:2011; BS 1337 part 5&6:1990; TB 10102-2023; GB/T 50123-2019; JIS A1217; ASTM D3877, D4546; ASTM D4186	Máy nén Tam Liên, dao vòng, giấy thấm.	Lê Thị Thu Đặng Thị Phương Hoa
7	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D2937:2017(e2); BS 1377 Part 2:1990; ASTM D7263; ASTM D 2167; ISO17892 – part2; AASHTO 204; TB 10102-2023; GB/T 50123-2019	Dao vòng, cân kỹ thuật Ohaus, thước gạt.	Lê Thị Thu Đặng Thị Phương Hoa

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
8	Xác định khối lượng thể tích lớn nhất	TCVN 8721:2012; TB 10102-2023; GB/T 50123-2019; ASTM D4253:2016	Cối, búa rung, cân kỹ thuật Ohaus, tủ sấy Memmerh.	Lê Thị Thu Đặng Thị Phương Hoa
9	Xác định khối lượng thể tích nhỏ nhất	TCVN 8721:2012; ASTM D4254:2016; TB 10102-2023; GB/T 50123-2019.	Cối, búa rung, cân kỹ thuật Shinko, tủ sấy Memmerh.	Lê Thị Thu Đặng Thị Phương Hoa
10	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; 22TCN 333:2006; ASTM D1557; AASHTO T180; BS 1377 Part 4 :1990 ; ASTM D558, D559,D560, D698 ; AASHTO T134,T135, T136 ; JIS A1210 ; TB 10102-2023; GB/T 50123-2019.	Bộ cối, chày đầm, cân kỹ thuật Shinko, tủ sấy Memmerh, hộp đựng đất.	Lê Thị Thu Đặng Thị Phương Hoa
11	Thí nghiệm sức chịu tải của đất, đá dăm (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332 :2006 ; TCVN 12792:2020 ; AASHTO T193 :2013 ; BS 1377 Part 4 :1990 ; ASTM D1883-16; ASTM D3668; JIS A1211; TB 10102-2023; GB/T 50123-2019.	Cối CBR, máy nén Matest, cân Ohaus, tủ sấy Memmerh, chày đầm.	Lê Thị Thu Đặng Thị Phương Hoa

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
12	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434:2006; TCVN 8723:2012; BS 1377 Part 5:1990; ISO17892-part 11; 14 TCN 139:2005; AASHTO T215; JIS A1218; ASTM D5084; TB 10102-2023; GB/T 50123-2019.	Thiết bị thí nghiệm thấm Nam Kinh, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây.	Lê Thị Thu Đặng Thị Phương Hoa
13	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012; TB 10102-2023; GB/T 50123-2019.	Bàn đế, mâm tròn, tờ quay, ốc điều chỉnh.	Lê Thị Thu Đặng Thị Phương Hoa
14	Xác định độ bền nén của đất trong điều kiện có nở hông	ASTM D2166:2016; BS 1377-7:1990; ISO 1377 part 7:2017; TCVN 9438:2012; AASHTO T208; JIS A1216; TB 10102-2023; GB/T 50123-2019.	Thiết bị tạo mẫu, máy nén 1 trục Matest.	Ngô Thị Thoan Lê Thị Thu
15	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012; ASTM D4647:2013; AS 1289.3.8.1; TB 10102-2023; GB/T 50123-2019.	Phao nổi, bình thủy tinh, đồng hồ bấm giây.	Ngô Thị Thoan Lê Thị Thu
16	Xác định đặc trưng trương nở của đất trong phòng thí nghiệm	ASTM D4546:2014(e1); TCVN 8719:2012; BS 1377 part 5:1990; TB 10102-2023; GB/T 50123-2019	Thiết bị trương nở Tam Liên, dao vòng, xốp thấm, nước, đồng hồ bấm giây.	Ngô Thị Thoan Lê Thị Thu
17	Xác định đặc trưng lún ướt của đất trong phòng thí nghiệm	ASTM D4546:2014(e1); TCVN 8722:2012; TB 10102-2023; GB/T 50123-2019.	Máy nén lún Tam Liên, dao vòng.	Ngô Thị Thoan Lê Thị Thu

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
18	Xác định đặc trưng cơ ngót của đất	TCVN 8720:2012; ASTM D955:2014; ASTM D6289:2013; BS 1377: Part 2:1990; TB 10102-2023; GB/T 50123-2019.	Dao vòng đất, thước cặp cơ khí.	Ngô Thị Thoan Lê Thị Thu
II	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ CỐT LIỆU			
1	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022 ; ASTM C642 :2013 ; BS 1881-222, 208	Thùng ngâm mẫu, tủ sấy Memmerh, cân kỹ thuật Shinko, khăn lau.	Ngô Thị Thoan Lê Thị Thu
2	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022 ; ASTM C642 :2013 ; ASTM C138, C642 ; AASHTO T121	Thùng đóng 5 lít, máy đầm rung, xẻng trộn, cân kỹ thuật Shinko.	Ngô Thị Thoan Lê Thị Thu
3	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022; TCVN 12252:2020; TB 10433-2023; ASTM C39:2018; ASTM C42:2018; JIS A 1108:2006; JIS A 1107:2012; AS 1012.9:2014; JIS A1136	Máy nén TYA 2000	Ngô Thị Thoan Lê Thị Thu
4	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006 ; ASTM C136 :2014 ; JIS A 1102:2014 ; AASHTO T11 ; AASHTO T39; TB 10102-2023	Cân chuẩn kỹ thuật Shinko, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy Memmerh.	Ngô Thị Thoan Lê Thị Thu

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
5	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127-2015; ASTM C128-2015; JIS A 1109:2006 ; JIS A 1110:2006; JIS A 1111:2007; TB 10115-2023; TB 10102-2023; TB 10115-2023	Cân kỹ thuật OHAUS, tủ sấy Memmerh, bình dung tích 2-5-10.	Ngô Thị Thoan Lê Thị Thu
6	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 ; ASTM C127 :2015 ; AASHTO T85-2013 ; TB 10115-2023	Cân kỹ thuật OHAUS, tủ sấy Memmerh, bình tam giác 500ml, khăn lau.	Ngô Thị Thoan Lê Thị Thu
7	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006 ; ASTM C29 :2017(a) ; AASHTO T19 :2009 ; JIS A 1104:2006 ; TCVN 10322 :2014; TB 10115-2023	Thùng đong 2-5-10, cân Ohaus, phễu chứa vật liệu, thước gạt.	Ngô Thị Thoan Lê Thị Thu
8	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006 ; ASTM C566 :2013 ; AASHTO T255 :2012 ; JIS A1125:2007 ; TCVN 10321:2014; TB 10115-2023; TB 10102-2023.	Cân kỹ thuật VB-2202B, tủ sấy Memmerh, dụng cụ đựng mẫu.	Ngô Thị Thoan Lê Thị Thu
9	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C117:2017; TB 10115-2023; TB 10102-2023.	Cân kỹ thuật VB-2202B, tủ sấy Memmerh, thùng rửa cốt liệu.	Ngô Thị Thoan Lê Thị Thu

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
10	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D7012:2014(e1); JIS M0302:2000; TCVN 10324:2014; ASTM C170, D2938; BS 812: Part 810, 811; TB 10115-2023.	Cân kỹ thuật Shinko, tủ sấy Memmerh, máy nén TYE 2000, thùng ngâm.	Ngô Thị Thoan Lê Thị Thu
11	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006 ; AS 1141.22:2019; TB 10115-2023.	Cân kỹ thuật Shinko, tủ sấy Memmerh, sàng, máy nén TYE 2000, khuôn nén đập.	Ngô Thị Thoan Lê Thị Thu
11	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; AASHTO T335:2009; ASTM D 4791; TB 10115-2023; TB 10102-2023.	Cân kỹ thuật Ohaus, thước kẹp, bộ sàng tiêu chuẩn. - Tủ sấy điện có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ ở 105 ⁰ C + 5 ⁰ C và 60 ⁰ C .	Ngô Thị Thoan Lê Thị Thu
13	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	- Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ; - Thước kẹp có độ chính 0,1 mm;	Ngô Thị Thoan Lê Thị Thu
14	Xác định cường độ nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022	- Khuôn bằng kim loại, có hình lăng trụ. Chày đâm mẫu, được làm từ vật liệu không, Thùng bảo dưỡng mẫu; - Máy nén Matest	Ngô Thị Thoan Lê Thị Thu
III	HIỆN TRƯỜNG			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
1	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao dai	AASHTO T204:1990; TCVN8729: 2012; TCVN 12791:2020; TCVN 8305:2009; ASTM D2937; GB/T 50123-2019.	Dao dai, cân kỹ thuật Shinko, bếp cồn, búa đóng, khay.	Phạm Văn Thùy Nguyễn Trọng Thắng
2	Đảm nén Proctor	TCVN 12790:2020 ; AASHTO T 99 :2018 ; AASHTO T 180 :2018 ; GB/T 50123-2019.	Cối đảm các loại, cân kỹ thuật Shinko, bếp cát.	Phạm Văn Thùy Nguyễn Trọng Thắng
3	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006 ; ASTM D1556 ; AASHTO T191 ; BS 1377-9: 1990 ; GB/T 50123-2019 ; JTG E40-2007	Bộ thí nghiệm rót cát Việt nam, cân kỹ thuật.	Phạm Văn Thùy Nguyễn Trọng Thắng
4	Xác định độ ẩm tại hiện trường bằng phương pháp đốt cồn	TCVN 8728:2012; GB/T 50123-2019	Cồn, cân kỹ thuật, khay.	Phạm Văn Thùy Nguyễn Trọng Thắng
5	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2012; ASTM D5778:2012;	Máy xuyên, đầu xuyên, mũi cồn, thiết bị đo.	Phạm Văn Thùy Nguyễn Trọng Thắng
6	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573 :2015(e1) ; 22 TCN 355:2006 ; TCVN 10184:2021; TB10018-2018	Máy cắt cánh, bộ phận tạo momem, cần.	Phạm Văn Thùy Nguyễn Trọng Thắng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
7	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012; ASTM D1586:2011; TB 10018-2018 ; TB 10426-2019 ; GB/T 50123-2019	Bộ búa đóng, quả tạ, đầu xuyên, cần dẫn hướng.	Phạm Văn Thùy Nguyễn Trọng Thắng
8	Xác định môđun đàn hồi E nền đường bằng tấm ép lớn	TCVN 8861:2011; TCVN 9354:2012; ASTM D4767; ASTM D4695; TB 10218-2019	Đổi tải, đồng hồ đo chuyển vị hành trình 25mm Đài Loan, kích thủy lực, oto tải trọng, tấm ép cứng, cát khô sạch tiêu chuẩn	Phạm Văn Thùy Nguyễn Trọng Thắng
9	Xác định môđun đàn hồi E chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011 ; ASTM D4695 ; AASHTO T256 ;	Cần Benkelman, xe tiêu chuẩn, đồng hồ đo biến dạng hành trình 25mm Đài Loan	Phạm Văn Thùy Nguyễn Trọng Thắng
10	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965;	Cát chuẩn, ống đong, bàn xoa.	Phạm Văn Thùy Nguyễn Trọng Thắng
11	Xác định độ bằng phẳng mặt đường bằng thước dài 3.0 mét	TCVN 8864:2011; ASTM D950, E1082	Thước đo dài 3m, đồng hồ đo chuyển vị hành trình 25mm Đài Loan	Phạm Văn Thùy Nguyễn Trọng Thắng
12	Bê tông – Phương pháp siêu âm xác định khuyết tật	TCVN 13537:2022	Máy siêu âm, đầu phát, đầu thu.	Phạm Văn Thùy Nguyễn Trọng Thắng
IV	CƠ LÝ MẪU ĐÁ TRONG PHÒNG			
1	Xác định độ ẩm mẫu đá	ASTM D2216 :2010; TCVN 10321 :2014	Cân kỹ thuật Shinko, tủ sấy Memmerh, khay.	Ngô Thị Thoan Nguyễn Văn Nhân

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
2	Thí nghiệm xác định cường độ kháng nén mẫu đá	TCVN 10324 :2014; ASTM D7012 :2014(e1); ASTM D2938	Máy gia công mẫu, máy nén TYE 2000, thiết bị chế tạo mẫu, thước kẹp.	Ngô Thị Thoan Nguyễn Văn Nhân
3	Xác định chỉ số chất lượng đá (RQD)	ASTM D6032	Khay mẫu đá, thước đo.	Ngô Thị Thoan Nguyễn Văn Nhân
4	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của đá	22TCN57 :1984	Cân Shinko, thiết bị gia tải, đồng hồ đo biến dạng, áp suất.	Ngô Thị Thoan Nguyễn Văn Nhân
5	Thí nghiệm xác định khối lượng thể tích của đá trong phòng	TCVN 10322:2014	Cân shinko VB-2202B, bộ dụng cụ đo kích thước.	Ngô Thị Thoan Nguyễn Văn Nhân